

Số: 101.1/TB-UBND

Chí Linh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 9/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố;

UBND phường Chí Linh thông báo về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai số liệu thu, chi ngân sách năm 2026 kể từ hồi 8 giờ 00 phút ngày 12 tháng 12 năm 2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2025.

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Trung tâm hành chính công phường Chí Linh và Cổng thông tin điện tử phường Chí Linh.

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các bộ phận chuyên môn, Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường, Tổ trưởng các Tổ dân phố thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ và các đoàn thể phường;
- TTDV sự nghiệp công phường;
- Tổ trưởng các TDP;
- Lưu VT, KTHĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trung Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	189.760.000	TỔNG SỐ CHI	189.760.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4.537.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.780.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	48.038.000	II. Chi thường xuyên	183.259.000
III. Thu bổ sung	137.185.000	III. Dự phòng	3.721.000
- Bổ sung cân đối	136.105.000		
- Bổ sung có mục tiêu	1.080.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		GHI CHÚ
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	
	TỔNG THU	104.105.000	189.760.000	
I	Các khoản thu 100%	32.355.000	4.537.000	
1	Phí, lệ phí	330.000	330.000	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	500.000	500.000	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
8	Lệ phí trước bạ	11.635.000	1.090.000	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.530.000	2.530.000	
10	Thu tiền thuê đất	16.925.000		
11	Thu khác	435.000	87.000	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	71.750.000	48.038.000	
1	Các khoản thu phân chia			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	71.750.000	48.038.000	
	- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	62.300.000	45.258.000	
	- Thu tiền sử dụng đất	9.450.000	2.780.000	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã			
IV	Thu chuyển nguồn			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	137.185.000	
	- Thu bổ sung cân đối		136.105.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.080.000	
VII	Dự phòng			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	
	TỔNG CHI	189.760.000	2.780.000	186.980.000	
	Trong đó				
1	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	6.348.000		6.348.000	
2	Chi giáo dục	90.235.000		90.235.000	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000		390.000	
4	Chi y tế	4.033.000		4.033.000	
5	Chi văn hóa, thông tin	1.528.000		1.528.000	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	300.000		300.000	
7	Chi thể dục thể thao	355.000		355.000	
8	Chi bảo vệ môi trường	3.052.000		3.052.000	
9	Chi các hoạt động kinh tế	16.415.000		16.415.000	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.102.000		29.102.000	
11	Chi cho công tác xã hội	30.589.000		30.589.000	
12	Chi khác	912.000		912.000	
13	Dự phòng ngân sách	3.721.000		3.721.000	